

KẾ HOẠCH
Thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026
trên địa bàn phường Trần Lâm

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ thông báo số 652-TB/TU ngày 03/7/2026 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030;

Thực hiện Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 28/7/2026; số 297/KH-UBND ngày 28/7/2026; số 298/KH-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 19/8/2026 của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn phường Trần Lâm về thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn phường Trần Lâm.

Ủy ban nhân dân phường xây dựng Kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn phường Trần Lâm (gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội; triển khai thực hiện có hiệu quả giảm nghèo bền vững năm 2026 là một trong những giải pháp quan trọng trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng,

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, gắn mục tiêu của Kế hoạch với việc xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và bảo đảm ổn định xã hội, quốc phòng - an ninh nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến hết năm 2026 trên địa bàn phường không còn hộ nghèo, đến năm 2030 trên địa bàn phường giảm tối thiểu 50% hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Nghị định 351/2025/NĐ-CP);

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo theo quy định của Chính phủ, của tỉnh.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các tổ chức Hội, đoàn thể;

- Phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong độ tuổi lao động, có nhu cầu được kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; được tham gia khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận;

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo xuống dưới 0,3%; 100% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, được hỗ trợ chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

- Phấn đấu hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo còn khả năng lao động để mỗi hộ có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững để có thu nhập ổn định;

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và được xử lý rác thải theo quy định;

- Phấn đấu hỗ trợ 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo còn thiếu hụt về nhà ở có nhu cầu, đủ điều kiện hỗ trợ và cam kết thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2026, nhà đảm bảo an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản triển khai, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, quản lý, tổ chức thực

hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; được tập huấn, bồi dưỡng triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Xác định thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững phường năm 2026 là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị; công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm toàn diện, trong đó ưu tiên bố trí các nguồn lực để hỗ trợ các tổ dân phố hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2026; ngành, phòng, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu xây dựng, phương án, lộ trình thực hiện Kế hoạch đảm bảo đồng bộ, đúng quy định của tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương, có giải pháp cụ thể để hỗ trợ các tổ dân phố có tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo còn cao; Đảng ủy, UBND phường có vai trò lãnh đạo, định hướng, các ngành, phòng, đơn vị, tổ dân phố tổ chức thực hiện; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm giảm nghèo bền vững.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân; khơi dậy, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch; thường xuyên cập nhật, thông tin đầy đủ về các hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch; tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và của phường về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030; tuyên truyền về các mô hình, điển hình tiên tiến, những sáng kiến, kinh nghiệm hay trong thực hiện giảm nghèo bền vững.

Phối hợp với các Sở, ban ngành của tỉnh thực hiện đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, nhất là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về giảm nghèo bền vững.

3. Thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Hỗ trợ đào tạo nghề, nâng cao trình độ về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng sản xuất cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn dạy nghề, việc làm; tăng cường xuất khẩu lao động bằng hình thức cho vay không phải thế chấp tài sản với lãi suất ưu đãi cho người nghèo; khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tổ chức dạy nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gắn với tạo việc làm; dạy nghề phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương;

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các chính sách hỗ trợ về giáo dục đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định của Chính phủ và chính sách của tỉnh; bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để học sinh vì khó khăn kinh tế mà bỏ học; thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với người học thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện

để người học được tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ học tập, qua đó góp phần bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, giảm bớt khó khăn về tài chính cho gia đình người học; tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học tập, hướng nghiệp cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Trang bị kiến thức về nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến công có sự tham gia của người dân, hộ nghèo và tập huấn trên cơ sở mô hình thực tế; ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo có khả năng lao động được tham dự các hội nghị chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, kinh nghiệm, kiến thức trong sản xuất - kinh doanh; xây dựng và phát triển các mô hình áp dụng giống mới, kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, dự án khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của tỉnh, của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững;

- Thực hiện hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo kịp thời, đúng quy định; hỗ trợ tiếp cận, can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em dưới 05 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng;

- Hoàn thành mục tiêu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà trong năm 2026. Các phòng, đơn vị chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các doanh nghiệp để thực hiện chương trình xây dựng nhà Đại đoàn kết, xóa nhà tạm dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện chính sách xã hội hóa thu hút vốn đầu tư nhà ở xã hội từ các thành phần kinh tế để thực hiện chính sách về nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn phường;

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình đưa văn hóa, thông tin về cơ sở; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, giúp người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo; nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách giảm nghèo năm 2026

4.1. Kết quả rà soát

Thực hiện rà soát, phân loại, phân nhóm 194 hộ nghèo thành các nhóm đối tượng:

Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025: 194 hộ, 330 nhân khẩu, đến thời điểm 8/2026 (chết 06 hộ, 06 nhân khẩu), còn lại 188 hộ, 324 nhân khẩu gồm: 223 nhân khẩu hết tuổi và chưa đến tuổi lao động, 101 nhân khẩu trong độ tuổi lao động; Trong đó:

- Hộ có 01 nhân khẩu: 120 hộ, trong đó: 118 hộ (118 khẩu) hết tuổi lao động; 02 hộ (02 khẩu) trong độ tuổi lao động.
- Hộ có từ 02 khẩu trở lên: 68 hộ, 204 khẩu, trong đó:
 - + 105 khẩu hết tuổi lao động, chưa đến tuổi lao động.
 - + 99 khẩu trong tuổi lao động.
- 101 khẩu trong độ tuổi lao động (99+2), có 88 khẩu khó khăn về việc làm; 13 khẩu có việc làm nhưng không ổn định.
- 223 khẩu hết tuổi đang hưởng các chính sách:
 - + 88 khẩu nghèo đang hưởng chế độ cô đơn theo Nghị quyết số 815/2025/NQ - HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
 - + 43 khẩu nghèo đang hưởng chế độ khuyết tật theo Nghị định số 20/2021/NĐ- CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
 - + 92 khẩu nghèo đang hưởng chế độ hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ- CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội và Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân tỉnh.
- 70 hộ thiếu hụt về chất lượng nhà ở có: 30 hộ đã đăng ký nhu cầu hỗ trợ về nhà ở trong năm 2026.

4.2. Các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách

a. Đối với 223 nhân khẩu không có khả năng lao động, chưa đến tuổi lao động thuộc hộ nghèo.

Đối tượng là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người bị mắc bệnh hiểm nghèo, người bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày, không có khả năng lao động, không có khả năng thoát nghèo, đối tượng quy định cụ thể trong Nghị quyết 815/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Giao Phòng Văn hoá - Xã hội phường căn cứ các Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh thực hiện rà soát, thực hiện chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng để đảm bảo thoát nghèo, thời gian hoàn thành vào 15/10/2026.

b. Đối với 101 nhân khẩu (trong 54 hộ) thuộc hộ nghèo trong độ tuổi lao động.

- Tổng số 54 hộ nghèo 101 nhân khẩu (gồm 07 nhân khẩu đang theo học các trường đại học, cao đẳng 94 nhân khẩu đang thiếu hụt các chỉ số cơ bản) trong đó gồm:

- + 34 hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột gia đình là phụ nữ;
- + 01 hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột gia đình là thanh niên;
- + 17 hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột gia đình là nông dân;

- + 02 hộ có chủ hộ hoặc người trụ cột gia đình là hội viên Hội Cựu chiến binh.
- Tiến hành rà soát toàn bộ các hộ nghèo còn khả năng lao động trên địa bàn để phân nhóm theo từng nội dung thiếu hụt; từng nhu cầu hỗ trợ và theo từng nhóm đối tượng để gán trách nhiệm các ban, ngành, đoàn thể, xác định các chiều thiếu hụt cụ thể của từng hộ để có phương án hỗ trợ khắc phục thiếu hụt:
 - + Tổ chức dạy nghề cho người có nhu cầu học nghề;
 - + Giới thiệu việc làm cho lao động có nhu cầu về việc làm; giúp các hộ khắc phục sự thiếu hụt về lao động và việc làm;
 - + Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; cây giống; con giống; phương tiện, máy móc cho các trường hợp có nhu cầu hỗ trợ sản xuất;
 - + Hỗ trợ vốn vay cho các trường hợp có nhu cầu vay vốn để giúp các hộ khởi nghiệp, tạo sinh kế, phát triển sản xuất, tự vươn lên thoát nghèo.
- Đối với đối tượng có khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp, thực hiện tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ cây, con giống, vay vốn ưu đãi tín dụng,... thông qua các hoạt động phối hợp giữa ngành Nông nghiệp và Môi trường, với Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên và Ngân hàng Chính sách xã hội, Trang bị kiến thức về nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến công có sự tham gia của người dân.

Giao Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên phối hợp với các ngành liên quan tổ chức rà soát, phân loại theo từng nhóm đối tượng thực hiện, xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, dự án khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của tỉnh, của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững, 15/11/2026 hoàn thành.

- Đối với các đối tượng có nhu cầu tìm kiếm việc làm: tăng cường nắm bắt tạo điều kiện cho các đối tượng tham gia lao động tại các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề hoặc các cơ sở kinh doanh dịch vụ tại các khu đô thị, doanh nghiệp trên địa bàn để tạo thu nhập ổn định. Khuyến khích, giúp đỡ hỗ trợ cho thanh niên thuộc hộ nghèo khởi nghiệp, tự vươn lên thoát nghèo từ tổ chức Đoàn thanh niên thông qua các hoạt động đào tạo nghề, hỗ trợ vốn vay và các điều kiện cần thiết để lao động, làm việc, tạo thu nhập.

Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm thuộc Sở Nội Vụ, các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề hoặc các cơ sở kinh doanh dịch vụ tại các khu đô thị, doanh nghiệp trên địa bàn để tạo việc làm cho các lao động có việc làm, thu nhập ổn định, thời gian hoàn thành 15/11/2026.

c c. Đối với 70 hộ thiếu hụt về chất lượng nhà ở có: 30 hộ (14 hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo) đã đăng ký nhu cầu hỗ trợ về nhà ở trong năm 2026.

Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường phối hợp UBNDTTQ Việt Nam phường xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai hỗ trợ xóa nhà tạm và nhà dột nát cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời rà soát, nghiên cứu giải pháp khắc phục trường hợp có khó khăn, vướng mắc khi thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát để các hộ có thể khắc phục được sự thiếu hụt này, hoàn thành tháng 12/2026 (có kế hoạch riêng).

5. Công tác kiểm tra, giám sát

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện giảm nghèo bền vững của các phòng, ban, ngành liên quan và các tổ dân phố; kiểm tra thực hiện các dự án, tiểu dự án, các chính sách giảm nghèo và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp báo cáo, phân tích nguyên nhân tăng, giảm tỷ lệ hộ nghèo và đánh giá tác động;
- Tổ chức giám sát việc quản lý sử dụng nguồn lực kinh phí thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả;
- Phát huy vai trò của Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và người dân tham gia thực hiện và giám sát quá trình thực hiện công tác giảm nghèo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến nhu cầu nguồn lực

- Hoạt động đào tạo, tập huấn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo 75 triệu đồng (sử dụng ngân sách phường, ngân sách tỉnh cấp);
 - Hoạt động hỗ trợ về thu nhập cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ thoát nghèo không còn khả năng lao động: 4.788 triệu đồng (sử dụng ngân sách tỉnh cấp);
 - Hỗ trợ thẻ BHYT: 990.638 triệu đồng (NSTW và ngân sách tỉnh);
 - Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: 148.992 triệu đồng (sử dụng ngân sách trung ương cấp);
 - Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt về nhà ở: 8.400 triệu đồng (sử dụng ngân sách phường, ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương cấp);
- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững năm 2026 dự kiến là 14.397.630 triệu đồng.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Giải pháp huy động nguồn lực

- Tăng cường sử dụng lồng ghép nguồn vốn các Chương trình MTQG, các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt; các nguồn vốn tín dụng để bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.
- Các phòng, ban, các ngành, các tổ dân phố trên địa bàn tăng cường huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn lực xã hội hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị các đồng chí ủy viên Ban thường vụ đảng ủy, các đồng chí ủy viên Ban chấp hành đảng bộ phường chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo tại địa bàn được phân công theo Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 19/8/2026 của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn phường Trần Lãm.

2. Các đồng chí ủy viên UBND phường

Các đồng chí ủy viên UBND phường được giao phụ trách các khu vực, tiếp tục chỉ đạo, theo dõi thực hiện giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn được phân công, chịu trách nhiệm trước UBND và Chủ tịch UBND phường về kết quả thực hiện trên địa bàn được phân công đảm bảo về tiến độ, chất lượng.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch, có nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành, các tổ dân phố đơn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững trong toàn phường theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, các ngành, các tổ dân phố trên địa bàn, đơn vị liên quan đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo của phường trong năm 2026;

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội phường thực hiện công tác tuyên truyền, truyền thông về Kế hoạch giảm nghèo; thực hiện nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhiệm vụ về giảm nghèo cho cán bộ cơ sở.

- Đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo của phường trong năm 2026;

- Tham mưu bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách phường và đề xuất giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đảm bảo nguồn lực thực hiện kế hoạch giảm nghèo của phường trong năm;

- Chủ trì, phối hợp với các các phòng, ban, các ngành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với giảm nghèo, đẩy mạnh hỗ trợ tiêu thụ nông sản, hàng hóa của nhân dân, nhất là của người nghèo, cận nghèo để giúp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định; triển khai cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện các nội dung của đề án, trong đó ưu tiên hỗ trợ triển khai: Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người nghèo.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành tham mưu và thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở, gắn với Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn phường và cải thiện hạ tầng nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành, các tổ dân phố thực hiện việc quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện giảm nghèo theo quy định.

4. Phòng Văn hoá - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành xây dựng chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo về chi phí học nghề phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về giáo dục và đào tạo đối với trẻ em, học sinh, sinh

viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Phối hợp với các phòng, ban, các ngành tham mưu xây dựng cơ chế chính sách như: chính sách hỗ trợ người cận nghèo, người thuộc hộ có mức sống trung bình về bảo hiểm y tế; triển khai hoạt động hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 05 tuổi thuộc gia đình hộ nghèo và cận nghèo; tăng cường giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em học đường (trẻ từ 05 đến dưới 16 tuổi).

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành xây dựng chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo vay vốn đi xuất khẩu lao động; đa dạng hoá các hình thức, biện pháp hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo tự tạo việc làm như hỗ trợ vốn vay qua các chương trình, dự án giải quyết việc làm.

- Triển khai thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo bền vững; triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", gắn với giảm nghèo bền vững.

5. Văn phòng HĐND và UBND phường

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định; nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ pháp lý miễn phí, góp phần tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo, người cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, phục vụ mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức giám sát, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

6. Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường

Tăng cường thực hiện các hoạt động thông tin, thời lượng phát sóng, mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, chương trình giảm nghèo, về các gương hộ nghèo làm kinh tế giỏi vươn lên thoát nghèo, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và giảm nghèo, phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

7. Các tổ dân phố trên địa bàn phường

- Tăng cường công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của tỉnh nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo bền vững trên địa bàn phường nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, lan tỏa tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng dân cư.

- Phối hợp với Phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Phòng Văn hoá - Xã hội phường tổ chức triển khai kế hoạch phương án giảm nghèo đến các hộ dân trong tổ, các hộ thuộc diện rà soát, rà soát thống kê các hộ nghèo hiện đang hưởng chế độ, các hộ có nhu cầu vay vốn, việc làm, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ giống cây, con, hỗ trợ về nhà ở.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn phường năm 2026, phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" trong cộng đồng, dòng họ cùng giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, tích cực giảm nghèo bền vững; xây dựng kế hoạch phát động, vận động ủng hộ và triển khai sử dụng có hiệu quả, thiết thực Quỹ "Vì người nghèo" hằng năm; phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan thuộc phường xây dựng kế hoạch hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, phân đầu hoàn thành trong năm 2026;

- Tổ chức phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến công tác giảm nghèo của phường; giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chính sách giảm nghèo trên địa bàn phường, đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư;

- Chỉ đạo Hội Nông dân phường triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh triển khai hiệu quả phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn phường Trần Lãm. Đề nghị các phòng, ban, ngành, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh về Ủy ban nhân dân phường (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận

- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQ Việt Nam phường;
- Các Phòng KTHTĐT, VHXH phường;
- Trung tâm hành chính công phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Lan Anh

**DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIẢM NGHÈO
PHƯỜNG TRẦN LÂM NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 164 /KH- UBND ngày 089/2026 của UBND phường Trần Lâm)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thực hiện	Số lượng đối tượng/hộ	Tổng cộng	Kinh phí	
				Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách phường
1	Hoạt động đào tạo, tập huấn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	người	75.000.000	25.000.000	50.000.000
2	Hoạt động hỗ trợ về thu nhập cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ thoát nghèo không còn khả năng lao động	người	4.788.000.000	4.788.000.000	
3	Hỗ trợ thẻ BHYT		990.638.000	990.638.000	
	- Hỗ trợ BHYT cho người thuộc hộ nghèo	người	286.813.000	286.813.000	
	- Hỗ trợ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo	người	703.825.000	703.825.000	
4	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	hộ	148.992.000	148.992.000	
5	Hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo.	hộ	8.400.000.000	7.000.000.000	1.400.000.000
	TỔNG CỘNG		14.402.630.000	12.952.630.000	1.450.000.000

TỔNG HỢP HỘ NGHÈO PHƯỜNG TRẦN LÃM NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 08/2026 của UBND phường Trần Lâm)

TT	Địa bàn	Số hộ nghèo				Chế độ hưởng BTXH theo NQ815, ND 20, ND 176			Số khẩu chưa được hưởng chế độ BTXH	Số hộ thiếu hụt về nhà ở
		Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Trong đó		Số khẩu đã được hưởng (NQ 815)	Số khẩu đã được hưởng chế độ BTXH (ND20)	Số khẩu đã được hưởng chế độ BTXH (ND 176)		
				Số hộ 1 khẩu	Số hộ 2 trở lên					
1	Trần Lâm	41	91	19	23	6	13	34	75	16
2	Kỳ bá	23	61	7	16	3	8	17	56	11
3	Vũ Chính	33	39	28	4	23	4	5	12	13
4	Vũ Đông	20	25	16	4	18	5	3	14	10
5	Vũ Lạc	13	20	10	3	8	4	3	11	03
6	Tây Sơn	58	88	40	18	30	9	30	55	17
Tổng cộng		188	324	120	68	88	43	92	223	70

